

## QUY HOẠCH TÍCH HỢP KHÔNG GIAN VÙNG VEN BỜ TỈNH NGHỆ AN

Nguyễn Văn Lục<sup>1,2\*</sup>, Nguyễn Hoàng Thái Khang<sup>2</sup>, Hồ Văn Thệ<sup>2</sup>, Nguyễn Văn Nhuận<sup>3</sup>,  
Lê Hữu Thọ<sup>4</sup>, Lê Thị Phương Thảo<sup>4</sup>, Triệu Trần Huân<sup>4</sup>  
<sup>1</sup>Hiệp hội Cá ngừ Việt Nam, Tp. Nha Trang, Khánh Hòa  
<sup>2</sup>Viện Hải dương học, Viện Hàn lâm KHCNVN, VAST  
<sup>3</sup>Viện Khoa học & Công nghệ Khai thác thủy sản, Trường ĐH Nha Trang  
<sup>4</sup>Công ty Cổ phần Tư vấn Chất lượng & Đào tạo Tín Việt, Đà Nẵng  
\* vanluchdh@gmail.com

**Tóm tắt.** Vùng ven bờ tỉnh Nghệ An có bờ biển dài 82 km, 27 xã, phường và 5 huyện, thị xã gần với biển, nguồn lợi thủy sản khá đa dạng và tương đối phong phú, nổi tiếng về nghề cá, làm muối, đang có những đột phá trong các lĩnh vực phát triển công nghiệp cảng, thương mại và dịch vụ,... Hoạt động kinh tế tại vùng bờ đang diễn ra mạnh mẽ, như nuôi trồng thủy sản, đánh bắt thủy hải sản, làm muối, nông nghiệp, trồng rừng, du lịch, tiểu thủ công nghiệp, giao thông vận tải thủy, cảng biển,... Tuy nhiên, các hoạt động kinh tế nói trên đang đặt ra một số thách thức đối với mục tiêu phát triển bền vững - Xung đột chồng lấn (XDCL) trong sử dụng không gian vùng ven bờ, khai thác tài nguyên quá mức, suy giảm đa dạng sinh học, ô nhiễm môi trường, cộng thêm tác động biến đổi khí hậu (thiên tai, nước biển dâng,...). Một trong những nguyên nhân dẫn đến các vấn đề trên là nhiều quy hoạch đơn ngành chưa tích hợp, cơ chế điều phối liên ngành hạn chế, phương thức quản lý chưa thu hút được sự tham gia của cộng đồng cư dân vùng ven bờ. Quy hoạch tích hợp không gian vùng bờ (ISP) tỉnh Nghệ An đã nhận dạng 5 nhóm XDCL chính; xác định tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể của quy hoạch không gian liên ngành cho 3 vùng (A, B, C) với 6 tiểu vùng (A1- A3, B1-B3), các ranh giới và khung thời gian cho việc phân tích và quản lý; 3 kịch bản định hướng quy hoạch ISP với 15 hoạt động trên vùng biển, 4 nhóm giải pháp và các bản đồ kèm theo.

**Từ khóa:** ISP, xung đột, Nghệ An, vùng bờ, phân vùng.

### 1. Giới thiệu

Báo cáo là một phần kết quả của Hợp phần A - Tăng cường năng lực thể chế cho quản lý nghề cá bền vững của dự án “Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững (CRSD)”, được thực hiện giai đoạn 2012 - 2017 tại tỉnh Nghệ An. Nội dung chủ yếu là quy hoạch tích hợp liên ngành không gian vùng bờ (ISP - Integrated Spatial Planning) nhằm “... xây dựng kế hoạch phân vùng, đánh giá và phê duyệt kế hoạch quản lý không gian. Kế hoạch quản lý không gian là một tài liệu toàn diện, mang tính chiến lược, cung cấp khuôn khổ và định hướng cho các quyết định quản lý không gian biển...” (Sổ tay Hướng dẫn thực hiện dự án CRSD).

Quy hoạch tích hợp không gian vùng bờ (ISP) là vấn đề mới đối với nước ta và cũng có nhiều ý kiến chưa thống nhất về cách tiếp cận ứng dụng ISP vào điều kiện thực tế của mỗi địa phương, quốc gia khác nhau (Bộ TNMT, 2013; BQL CRSD tỉnh Nghệ An 2016; Nguyễn Tác An, 2004; Nguyễn Văn Lục và cs., 2010; Nguyễn Văn Lục và Đặng Trung Thuận, 2010; Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án CRSD., 2012; Clark, J.R., 1996; Day, J., 2002; Douvere, F., 2008; Kenchington R., 2011; Melissa M. F; Benjamin S. H; Fiorenza at al., 2010). Tuy nhiên, có một số đồng thuận sau đây: Đó là một chuỗi các hành động,

liên tục và lặp đi lặp lại theo thời gian. Quá trình hành động đó được cơ quan công quyền đưa ra và hàm chứa tính cộng đồng, tránh tư tưởng cục bộ địa phương, đơn ngành. Mục tiêu của ISP là đảm bảo hài hòa, cân bằng được các mục tiêu riêng về sinh thái (giữa khai thác tự nhiên và bảo vệ, bảo tồn, phục hồi, tai biến môi trường, rủi ro sinh thái,...), về kinh tế (lợi ích giữa các chủ thể hoạt động trên vùng biển, cộng đồng địa phương, doanh nghiệp, nhà nước, thế hệ hôm nay và mai sau,...), về xã hội (chủ yếu là các xung đột, thiếu minh bạch trong quá trình hưởng lợi tài nguyên, môi trường của các nhóm doanh nghiệp, cư dân địa phương, nhà quản lý,...).

Vùng bờ tỉnh Nghệ An có đường bờ biển 82 km, nơi hoạt động kinh tế diễn ra mạnh mẽ, với đa dạng các loại hình sinh kế như: Nuôi trồng thủy sản, đánh bắt thủy sản, làm muối, nông nghiệp, trồng rừng ngập mặn, du lịch, tiêu thụ công nghiệp, giao thông vận tải thủy,... Tuy nhiên, sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung và vùng ven biển nói riêng đang và sẽ đối mặt với một số thách thức: Khai thác tài nguyên quá mức, suy giảm đa dạng sinh học, dấu hiệu ô nhiễm môi trường nước vùng cửa sông - ven biển, gia tăng dân số, cộng thêm ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng, sẽ là những vấn đề đáng quan tâm. Một trong những nguyên nhân dẫn đến các vấn đề trên là:

Công tác quy hoạch và hoạch định kế hoạch phát triển cho từng ngành, từng lĩnh vực (sectorial plan/planning) tại địa phương đã tồn tại nhiều năm nay, đã và đang tạo ra những rào cản đối với quy hoạch tích hợp/tổng hợp, liên ngành, đa ngành (ISP) đối với vùng bờ. Đó là nguyên nhân dẫn đến sự xung đột, chông chéo lợi ích và môi trường giữa các hoạt động kinh tế trong vùng bờ. Sự phối hợp giữa cộng đồng cư dân với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng trong quá trình theo dõi, giám sát các hoạt động tại vùng bờ còn hạn chế. Thiếu cơ chế phối hợp giữa tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân với các cơ quan chức năng. Nguồn lực địa phương hạn chế (vốn, công nghệ, chính sách) để ứng phó kịp thời, hiệu quả với thiên tai và biến đổi khí hậu.

## **2. Vật liệu và phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Dữ liệu thứ cấp**

Bản đồ số hóa của các huyện, thị và toàn tỉnh Nghệ An với tỷ lệ 1/25.000 – 1/100.000 do Sở TN&MT Nghệ An cung cấp.

Báo cáo điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển một số ngành chủ yếu tỉnh Nghệ An giai đoạn 2011-2020.

Báo cáo kinh tế - xã hội năm 2016 của các 27 xã, phường ven bờ, thuộc 5 huyện, thị xã ven biển.

### **2.2. Dữ liệu sơ cấp**

Điều tra, phỏng vấn nhanh và thu thập thông tin (qua phiếu điều tra) về sinh kế của một số hộ gia đình đại diện của 27 xã, phường ven biển và 8 xã, phường ven sông lớn; về thực trạng cũng như sự thay đổi môi trường nước và nguồn lợi thủy sản; *xung đột, chông lán* (XĐCL) quy hoạch trên địa bàn 27 xã, phường ven biển tỉnh Nghệ An.

Thông tin về những ý kiến góp ý của người dân đối với định hướng quy hoạch ISP, phát triển kinh tế-xã hội của các xã, phường ven biển.

Thông tin nhật ký, ảnh thực địa của nhóm tư vấn về hoạt động sinh kế của người dân, các điểm diễn ra chông lán quy hoạch của nhóm tư vấn.

### **2.3. Phương pháp**

Quy trình thực hiện quy hoạch không gian được thực hiện theo các tài liệu (Sổ tay Hướng dẫn thực hiện dự án CRSD 2012; Ban Quản lý (BQL) CRSD tỉnh Nghệ An 2016).

## **3. Kết quả và thảo luận**

### **3.1. Phân tích dự báo và giải pháp giảm thiểu xung đột, chông lán**

Hiện trạng xung đột, chông lán trong sử dụng không gian vùng bờ tỉnh Nghệ An có thể nhóm thành 5 nhóm chính (phạm vi 6 hải lý): Xung đột, chông lán hoạt động khai thác thủy sản ven bờ (KTTS1) và xa bờ (KTTS2). Xung đột, chông lán giữa khai thác thủy sản (KTTS1, 2) với bảo vệ, phục hồi nguồn lợi và đa dạng sinh học. Xung đột, chông lán của (KTTS1) và (KTTS2) xảy ra khi ra vào bến cá, cảng cá, nơi neo đậu, tránh trú. Xung đột, chông lán của (KTTS1) và (KTTS2) với hoạt động giao thông vận tải biển (GTVTĐB). Các xung đột, chông lán xảy ra trên vùng đất ven biển (phạm vi 27 xã, phường ven biển và 8 xã phường ven sông lớn). Đối với vùng đất ven biển (phạm vi 27 xã, phường ven biển và 8 xã phường ven sông lớn): Có thể nhóm thành nhóm có tác động trực tiếp hay gián tiếp đến các hoạt động trên biển (như mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho neo đậu, tránh trú tàu cá, tàu vận tải biển; khả năng cung ứng vật tư, hàng hóa, nhiên liệu cho nghề cá và vận tải biển,...) và tác động đến chất lượng môi trường và đa dạng sinh học biển. Nhóm xung đột, chông lán trên đất ven biển khá đa dạng, nhưng chủ yếu là hoạt động nuôi trồng thủy sản (NTTS), công nghiệp (CN), hạ tầng (HT), dịch vụ du lịch (DLĐV), nông nghiệp (NN), khu dân cư tập trung, khu đô thị,...

Xung đột, chông lán (KTTS1) và (KTTS2): Đây là nhóm xung đột, chông lán (XĐCL) bức xúc nhất hiện nay tại vùng ISP tỉnh Nghệ An. Theo thống kê vào năm 2015, toàn tỉnh 3.964 tàu cá, trong đó, có 1.579 tàu cá cỡ nhỏ đánh bắt tại vùng bờ (tuyến bờ < 6 hải lý), đang gây áp lực lớn đối với nguồn lợi, đa dạng sinh học vùng bờ. Vì vậy, địa phương đã định hướng quy hoạch giảm số tàu cá nhỏ đánh bắt vùng bờ là 1.300 chiếc/vào năm 2020 và 800 chiếc/ vào năm 2030. Mặt khác, tình trạng đánh bắt sai tuyến của tàu cá có công suất máy lớn từ trong và ngoài địa bàn quản lý của các địa phương cũng tạo ra áp lực lớn đến nguồn lợi và gia tăng XĐCL với tàu cá nhỏ. Trong tương lai, nếu tình trạng nói trên không được cải thiện, sẽ tạo ra áp lực ngày càng tăng đối với nguồn lợi, XĐCL giữa KTTS1 và KTTS2 sẽ là thách thức lớn nhất đối với nghề cá địa phương.

Xung đột, chông lán giữa khai thác thủy sản (KTTS1, 2) với bảo vệ, phục hồi nguồn lợi và đa dạng sinh học: Đây là nhóm (XĐCL) bức xúc xếp hạng 2 tại vùng ISP tỉnh Nghệ An. Ngoài tình trạng đánh bắt sai tuyến (tuyến bờ, tuyến lộng và tuyến khơi), không tuân thủ các quy định pháp luật về vùng cấm đánh bắt có thời hạn trong năm, sử dụng ngư cụ có

kích thức mắt lưới nhỏ, sử dụng ngư cụ có tính hủy diệt nguồn lợi, vẫn là thách thức lớn đối với công tác bảo vệ và phục hồi nguồn lợi thủy sản tại địa phương, nhất là tại ngư trường truyền thống có đa dạng sinh học cao (vịnh Diên Châu và Hòn Ngư - Cửa Hội). Trong tương lai, nếu tình trạng nói trên không được cải thiện, sẽ tạo ra áp lực ngày càng tăng đối với nguồn lợi, năng suất đánh bắt thủy sản suy giảm, gia tăng XDCL trong nội bộ ngành khai thác thủy sản.

Xung đột, chông lán (KTTS1) và (KTTS2) xảy ra khi ra vào bến cá, cảng cá, nơi neo đậu, tránh trú: Đây là nhóm (XDCL) bức xúc xếp hạng 3 tại vùng ISP tỉnh Nghệ An. Tình trạng quá tải của cơ sở hạ tầng nghề cá (bến cá, chợ cá, nơi neo đậu, tránh trú,...) tại hầu hết các cửa sông lớn của tỉnh, chưa đáp ứng đủ nhu cầu phát triển nhanh của tàu cá. Tình trạng quy hoạch hạ tầng nghề cá chông chéo với quy hoạch của một số ngành liên quan (như quy hoạch cảng, luồng lạch hàng hải, bến bãi kho vận, dịch vụ logistic trong vận tải,...). Tình trạng các cửa sông lớn thường bị “nông hóa” và bồi lấp vào mùa khô - Đó là hiện tượng tự nhiên, nhưng chúng được cường hóa, cộng hưởng do tác động của con người (phá rừng làm gia tăng xói mòn, tăng phù sa bồi lấp cửa sông; phá rừng làm giảm khả năng tích trữ và điều tiết nước, làm tăng quá trình bồi lấp vật chất từ biển vào cửa sông; khai thác cát trong sông, NTTS ven sông làm thay đổi dòng chảy sông, gây ra xáo trộn, bồi lấp cửa sông). Từ tình trạng trên, hoạt động ra vào bến của tàu cá rất khó khăn, sản phẩm sau thu hoạch bị hư hao, ... gây ra những XDCL ngày càng tăng đối với hoạt động nghề cá và hoạt động nghề cá với GTVTB.

Xung đột, chông lán của (KTTS1) và (KTTS2) với hoạt động giao thông vận tải biển (GTVTB): Tình trạng một số tàu cá thả lưới rê (có chiều dài > 1,8 hải lý) bị tàu hàng đâm va, xé rách, cuốn trôi thường xảy ra tại vùng bờ và vùng lộng tỉnh Nghệ An. Theo ý kiến của ngư dân, hiện tượng nói trên thường xảy ra vào ban đêm, khi các phương tiện báo hiệu (phao, cờ, đèn) trên tàu cá không đủ khả năng cảnh báo cho tàu hàng. Trong tương lai, nếu tình trạng nói trên không được cải thiện, sẽ là khó khăn cho 1.600 tàu lưới rê của tỉnh Nghệ An.

Các xung đột, chông lán xảy ra trên vùng đất ven biển (phạm vi 27 xã, phường ven biển và 8 xã phường ven sông lớn): Hiện tại, các XDCL gây bức xúc nhất trên đất ven biển là sự chông chéo, thiếu thống nhất và hiệu quả thực thi pháp luật chưa đạt mong muốn của các quy hoạch đơn ngành (như quy hoạch NTTS, quy hoạch GTVTB, quy hoạch CN, quy hoạch DLDV, quy hoạch đô thị, quy hoạch dân cư) đã dẫn đến hàng loạt các XDCL giữa các ngành nghề với nhau: Tranh chấp mặt bằng, lấn chiếm diện tích đất ngập nước, phóng thải trực tiếp chất thải vào thủy vực ven sông- biển. Hiện tại, mức XDCL của các hoạt động trên đất và tác động của XDCL đối với môi trường vùng ISP là chưa đáng kể, nhưng trong tương lai gần, khi quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa vùng bờ tỉnh Nghệ An tăng tốc; dưới tác động của “biến đổi khí hậu”, vùng bờ tỉnh Nghệ An sẽ phải đối mặt với tranh chấp, xung đột gay gắt về mặt bằng để phát triển sản xuất. Vấn đề ô nhiễm môi trường, phá vỡ cảnh quan tự nhiên ven biển, xói lở bờ, bồi lấp cửa sông, cạn kiệt tài nguyên nước ngọt, đất đai thoái hóa sẽ là thách thức lớn nhất cho vùng bờ và tỉnh Nghệ An.

### **3.2. Quy hoạch tích hợp không gian vùng bờ**

Định hướng Quy hoạch tích hợp không gian vùng bờ 5 huyện, thị tỉnh Nghệ An được trình bày tại Hình 1a, b và Hình 2, 3,4 cho các kịch bản sử dụng không gian vùng bờ. Không gian biển ven bờ 5 huyện, thị được quy hoạch thành 03 vùng không gian có chức năng sinh thái, điều kiện tự nhiên và KTXH, tiềm năng và nhu cầu quản lý khác nhau:

#### **3.2.1. Vùng bảo vệ, bảo tồn và phục hồi (diện tích 27.485 ha)**

Đây là vùng nước sát bờ, độ sâu 0 - 8 m, trực tiếp đón nhận các nguồn thải từ đất. Trong đó gồm các hợp phần sau:

Dải cát trung ven bờ, độ sâu 0 - 4 m có chức năng bảo vệ bờ, định hướng quy hoạch thành Hành lang mở rộng bảo vệ bờ, chỉ dành cho một số hoạt động du lịch, NTTS có xin phép của cấp có thẩm quyền.

Bãi giống, bãi đẻ thủy sinh, ĐDSH cao tại vịnh Diễn Châu và Hòn Ngư - Cửa Hội, độ sâu 4 - 8 m. Cần bảo vệ theo quy định pháp luật hiện hành.

Bãi ngầm, đáy cứng có ĐDSH cao quanh đảo Hòn Ngư, đây là ngư trường truyền thống, cần đưa vào các biện pháp quản lý theo văn bản của TƯ và tỉnh.

Bãi ngầm, đáy cứng có ĐDSH cao quanh và trên hòn Mắt là vùng có vị trí đặc biệt về an ninh quốc phòng. Cần có phương thức quản lý riêng.

#### **3.2.2. Vùng phát triển đa ngành (diện tích 74.515 ha)**

Đây là vùng nước có độ sâu 0 - 15 m. Vùng có hoạt động đa ngành: Khai thác thủy sản ven bờ (KTTS1), khai thác thủy sản xa bờ (KTTS2), phát triển hạ tầng (HT), công nghiệp (CN), nuôi trồng thủy sản (NTTS), giao thông vận tải biển (GTVTB), du lịch dịch vụ (DLDV),... tồn tại nhiều XĐCL: Mặt bằng, va chạm tàu thuyền, ô nhiễm môi trường, suy giảm tài nguyên, đa dạng sinh học (ĐDSH), thiên tai do biến đổi khí hậu. Định hướng quy hoạch ISP là tích hợp và định hướng cho các ngành KTTS1,2, HT, CN, NTTS, GTVTB, DLDV,... trong thể thống nhất, hài hòa lợi ích, giảm thiểu XĐCL.

#### **3.2.3. Vùng phát triển mở (diện tích 62.800 ha)**

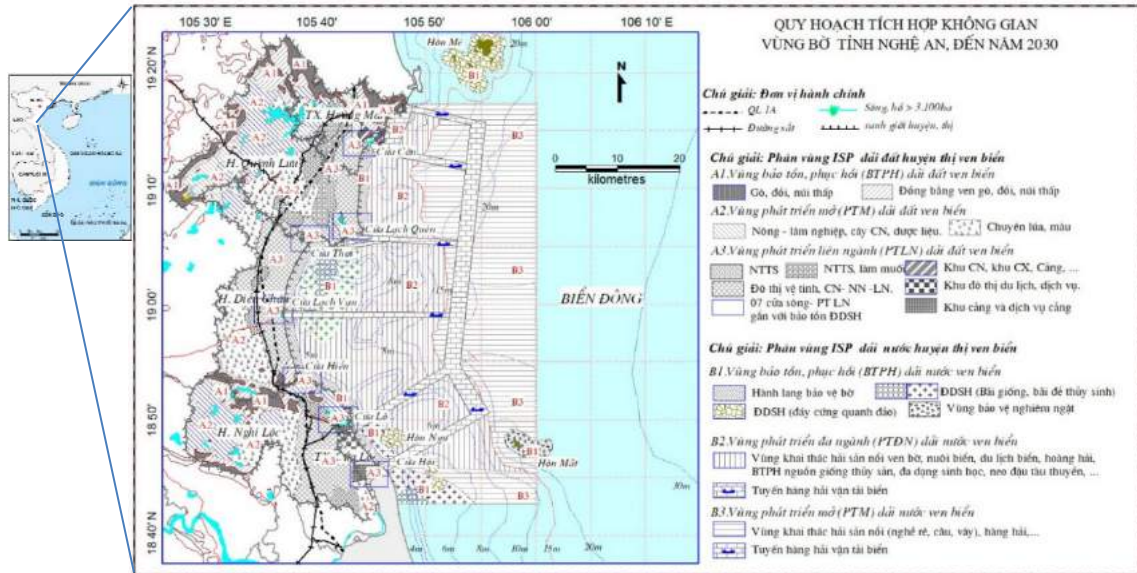
Đây là vùng nước có độ sâu >15 m (hay còn gọi là vùng lộng). Các hoạt động chủ yếu KTTS2, GTVTB. Định hướng quy hoạch ISP là tích hợp quy hoạch KTTS với GTVTB, thử nghiệm mô hình trang trại biển (Nuôi biển), nhằm phát triển nghề cá xa bờ, giảm thiểu xung đột với GTVTB, ứng phó từ xa với sự cố tràn dầu (oil spills), nguồn thải từ ngoài khơi.

### **3.3. Giải pháp thực hiện**

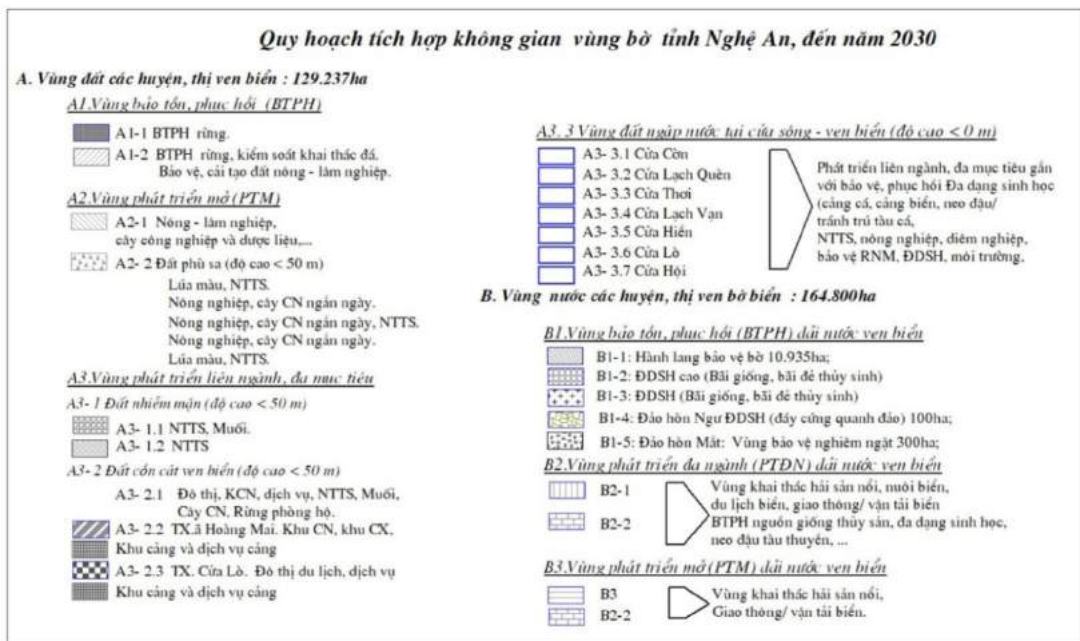
Để hỗ trợ thực hiện quy hoạch không gian, cần có cơ chế triển khai cơ chế hợp tác liên ngành để tập trung giải quyết các mâu thuẫn hiện tại và tương lai trong sử dụng không gian ven biển. Bởi vậy, các giải pháp sau cần được ưu tiên thực hiện:

**3.3.1. Nhóm giải pháp tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, huy động sự tham gia của cộng đồng.** Tập trung vào các nội dung nâng cao nhận thức cộng đồng về tài nguyên,

môi trường biển, ven biển và những vấn đề quản lý liên quan. Tăng cường năng lực và phương thức tuyên truyền. Xây dựng hệ thống hoạt động thông tin về tài nguyên, môi trường vùng bờ.



**Hình 1a.** Bản đồ quy hoạch tích hợp không gian vùng bờ tỉnh Nghệ An, đến năm 2030



**Hình 1b.** Chú giải Bản đồ quy hoạch tích hợp không gian vùng bờ tỉnh Nghệ An, đến năm 2030

3.3.2. **Nhóm giải pháp về thể chế, chính sách và công cụ kinh tế.** Tiến hành rà soát lại các văn bản pháp quy hiện có và chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp với tình hình mới. Nhất là các văn bản về quyền sử dụng đất, các bãi biển, dải đất để thiết lập hành lang bảo vệ bờ (từ mực nước cao trung bình nhiều năm vào 100 m), dải nước ven (từ mép nước ra biển đến độ sâu 4 m) đối với các dự án bất động sản - du lịch, dịch vụ. Xây dựng cơ chế điều phối đa ngành yêu cầu cấp thiết để quản lý hoạt động đa ngành, đa biên trong ISP. Phân công các ngành, các cấp xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách liên quan đến quản lý và phát triển vùng bờ, với sự tham vấn rộng rãi của các bên liên quan và cộng đồng. Xây dựng cơ chế kiểm tra, thu nhận thông tin phản hồi, đánh giá hiệu quả của việc triển khai các chính sách và pháp luật. Xây dựng cơ chế tạo nguồn tài chính bền vững phục vụ ISP.

### 3.3.3. Nhóm giải pháp quy hoạch

Rà soát lại các quy hoạch, kế hoạch phát triển có liên quan đến ISP và vùng bờ, đảm bảo phù hợp với yêu cầu về sử dụng lâu bền tài nguyên và môi trường. Tích hợp các quy hoạch đã có theo định hướng ISP và Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh, xem đó là một bộ phận cấu thành của kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh đến năm 2030.

### 3.3.4. Nhóm giải pháp tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong quản lý tài nguyên và môi trường vùng bờ

Tổ chức tập huấn cho cán bộ và cư dân địa phương về phương pháp tham gia trong quản lý tài nguyên ven biển dựa vào cộng đồng. Xây dựng các cam kết về sử dụng và quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường vùng bờ giữa các cơ quan, cộng đồng cư dân. Triển khai rộng cơ chế đồng quản lý, để thu hút sự tham gia của các bên liên quan, đặc biệt là các cộng đồng cư dân ven biển.

**Kịch bản 1: Định hướng Quy hoạch tích hợp không gian vùng bờ tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2030**  
**(Tiêu chí: ưu tiên phát triển kinh tế)**

HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU	Vùng bảo tồn, phục hồi					Vùng phát triển đa ngành		Vùng phát triển mở
	BT/SC	BT/DDSH	BT/DDSH	BT/DDSH	BV/NN	CỬA SÔNG	VÙNG ISP	NGOÀI ISP
Du lịch (tắm biển, bơi thuyền, lướt ván, ...)	C	C	C	C	C	K	C	K
Luồng giao thông tàu thuyền nhỏ	C	C	C	C	XP	C	C	K
Tuyến vận tải hàng hóa (shipping)	K	K	XP	K	K	C	C	C
Phát triển cảng cá, bến cá, neo đậu tàu thuyền	K	K	K	K	K	C	C	K
Phát triển cảng biển và dịch vụ cảng	K	K	K	K	K	C	C	K
Nghề cá thủ công (Cầu tay, chài, vó, mành, lặn,...)	K	C	C	C	C	C	C	K
Sân bãi thủy sản tại đáy biển	C	C	C	C	XP	K	C	K
Khai thác hải sản nổi (cá cơm, trích, mực,...)	K	C	C	C	K	C	C	C
Cầu kiểu, cầu khời, lưới rê (lưới dài >1,8 hải lý)	K	K	K	K	K	K	K	C
Giã cào (tôm, cá,...)	K	K	K	K	K	K	K	XP
Lử bãi quai, te-xi-ép, lưới rừng, dăng/dây (2a< 2cm)	K	K	K	K	K	K	XP	K
NTIS (nuôi nhốt ao/lồng/bè, nuôi thả trên đáy,...)	XP	C	C	C	XP	XP	XP	XP
Bảo vệ, phục hồi sinh cảnh, đa dạng sinh học	C	C	C	C	C	C	C	K
Phóng thải chất thải vào thủy vực không qua xử lý	K	K	K	K	K	K	K	K
Cấp cứu, tình trạng khẩn cấp	C	C	C	C	C	C	C	C

*Ghi chú: C - được phép; XP - xin phép theo quy hoạch; K - không được phép;  
BT/SC - Bảo tồn sinh cảnh; BT/DDSH - Bảo tồn đa dạng sinh học; BV/NN - Bảo vệ nghiêm ngặt (vùng cấm);*

**Hình 2.** Kịch bản 1 cho sử dụng vùng bờ tỉnh Nghệ An

**Kịch bản 2: Định hướng Quy hoạch tích hợp không gian vùng bờ tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2030**  
**(Tiêu chí: ưu tiên bảo vệ môi trường)**

HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU	Vùng bảo tồn, phục hồi					Vùng phát triển đa ngành		Vùng phát triển mở	
	BT SC	BT ĐDSH	BT ĐDSH	BT ĐDSH	BV NN	CỬA SÔNG	VÙNG ESP	NGOÀI ESP	
Du lịch (tắm biển, bơi thuyền, lướt ván, ...)	C	C	C	K	K	K	K	K	
Luồng giao thông tàu thuyền nhỏ	C	C	C	C	XP	C	C	K	
Tuyến vận tải hàng hóa (shipping)	K	K	XP	K	K	C	C	C	
Phát triển cảng cá, bến cá, neo đậu tàu thuyền	K	K	K	K	K	C	C	K	
Phát triển cảng biển và dịch vụ cảng	K	K	K	K	K	C	C	K	
Nghề cá thủ công (Cầu tay, chài, vó, mành, lặn, ...)	K	K	K	K	K	C	C	K	
Sân bán thủy sản tại đáy biển	K	K	K	K	K	K	C	K	
Khai thác hải sản nổi (cá cơm, trích, mực, ...)	K	XP	XP	XP	K	C	C	C	
Câu kiểu, câu khơi, lưới rê (lưới dài >1,8 hải lý)	K	K	K	K	K	K	K	C	
Giã gạo (tôm, cá, ...)	K	K	K	K	K	K	K	K	
Lũ bắt quái, te-xiếp, lưới rùng, dăng/dáy (2a< 2cm)	K	K	K	K	K	K	XP	K	
NTTS (nuôi nhốt ao/lồng/bè, nuôi thả trên đáy, ...)	K	K	K	K	K	XP	XP	XP	
Bảo vệ, phục hồi sinh cảnh, đa dạng sinh học	C	C	C	C	C	C	C	K	
Phóng thải chất thải vào thủy vực không qua xử lý	K	K	K	K	K	K	K	K	
Cấp cứu, tình trạng khẩn cấp	C	C	C	C	C	C	C	C	

*Giải chú: C - được phép; XP - xin phép theo quy hoạch; K - không được phép; BTSC - Bảo tồn sinh cảnh; BTĐDSH - Bảo tồn đa dạng sinh học; BVNN - Bảo vệ nghiêm ngặt (vùng cấm);*

**Hình 3.** Kịch bản 2 cho sử dụng vùng bờ tỉnh Nghệ An

**Kịch bản 3: Định hướng Quy hoạch tích hợp không gian vùng bờ tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2017 - 2030**  
**(Tiêu chí: phát triển hài hòa nhu cầu kinh tế và bảo vệ môi trường)**

HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU	Vùng bảo tồn, phục hồi					Vùng phát triển đa ngành		Vùng phát triển mở	
	BT SC	BT ĐDSH	BT ĐDSH	BT ĐDSH	BV NN	CỬA SÔNG	VÙNG ESP	NGOÀI ESP	
Du lịch (tắm biển, bơi thuyền, lướt ván, ...)	C	C	C	XP	XP	K	XP	K	
Luồng giao thông tàu thuyền nhỏ	C	C	C	C	XP	C	C	K	
Tuyến vận tải hàng hóa (shipping)	K	K	XP	K	K	C	C	C	
Phát triển cảng cá, bến cá, neo đậu tàu thuyền	K	K	K	K	K	C	C	K	
Phát triển cảng biển và dịch vụ cảng	K	K	K	K	K	C	C	K	
Nghề cá thủ công (Cầu tay, chài, vó, mành, lặn, ...)	K	XP	XP	XP	XP	C	C	K	
Sân bán thủy sản tại đáy biển	XP	XP	XP	XP	XP	K	C	K	
Khai thác hải sản nổi (cá cơm, trích, mực, ...)	K	XP	XP	XP	XP	C	C	C	
Câu kiểu, câu khơi, lưới rê (lưới dài >1,8 hải lý)	K	K	K	K	K	K	K	C	
Giã gạo (tôm, cá, ...)	K	K	K	K	K	K	K	XP	
Lũ bắt quái, te-xiếp, lưới rùng, dăng/dáy (2a< 2cm)	K	K	K	K	K	K	XP	K	
NTTS (nuôi nhốt ao/lồng/bè, nuôi thả trên đáy, ...)	XP	XP	XP	XP	XP	XP	XP	XP	
Bảo vệ, phục hồi sinh cảnh, đa dạng sinh học	C	C	C	C	C	C	C	K	
Phóng thải chất thải vào thủy vực không qua xử lý	K	K	K	K	K	K	K	K	
Cấp cứu, tình trạng khẩn cấp	C	C	C	C	C	C	C	C	

*Giải chú: C - được phép; XP - xin phép theo quy hoạch; K - không được phép; BTSC - Bảo tồn sinh cảnh; BTĐDSH - Bảo tồn đa dạng sinh học; BVNN - Bảo vệ nghiêm ngặt (vùng cấm);*

**Hình 4.** Kịch bản 3 cho sử dụng vùng bờ tỉnh Nghệ An

## Kết luận

Quy hoạch tích hợp không gian vùng bờ (ISP) tỉnh Nghệ An đã nhận dạng 5 nhóm Xung đột Chồng lấn (XĐCL) chính đang tồn tại trong vùng được quy hoạch; xác định tầm nhìn,



mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể của quy hoạch không gian liên ngành, các ranh giới và khung thời gian cho việc phân tích và quản lý; 6 vùng định hướng quy hoạch tích hợp không gian vùng bờ, gồm 3 vùng (A, B, C) và 6 tiểu vùng (A1-A3, B1-B3), 3 kịch bản định hướng quy hoạch sử dụng với 15 hoạt động trên vùng biển và 7 ngành nghề, 4 nhóm giải pháp và các bản đồ kèm theo.

**Lời cảm ơn:** Báo cáo này được tài trợ kinh phí của BQL dự án CRSD tỉnh Nghệ An, tập thể tác giả xin cảm ơn sự giúp đỡ của lãnh đạo BQL dự án, ghi nhận sự hợp tác chặt chẽ trong công việc của cán bộ quản lý hợp phần ISP của 5 huyện, thị xã vùng ven bờ, cán bộ lãnh đạo và ngư dân của 27 xã vùng bờ và 8 xã phường ven sông lớn của tỉnh Nghệ An.

### **Tài liệu tham khảo**

- Bộ TN&MT, 2013. Quy hoạch không gian biển và vùng bờ biển. Nhà xuất bản Nông nghiệp.
- BQL CRSD tỉnh Nghệ An 2016. Báo cáo tổng hợp không gian ven bờ huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2015 - 2020, tầm nhìn 2030.
- Clark, J.R., 1996. Coastal zone management handbook, Lewis Publisher, NY.: 517p.
- Day, J., 2002. Zoning - lessons from the great barrier reef marine park. *Ocean & Coastal Management*, 45/139-156.
- Douvere, F., 2008. The importance of marine spatial planning in advancing ecosystem-based sea use management. *Marine Policy* 32(5): 762-771. DOI: 10.1016/j.marpol. 2008.03.021.
- Kenchington Richard, 2011. Zoning, a fundamental cornerstone of effective marine spatial planning: Lessons learnt from the Great Barrier Reef, Australia: 13 p.
- Melissa M.F; Benjamin S.H; Fiorenza M.; at all., 2010. Guiding ecological principles for marine spatial planning. *Marine Policy*, 34: 955- 966 p.
- Nguyễn Tác An 2004. Tiếp cận quản lý tổng hợp vùng biển ven bờ Việt Nam để phát triển bền vững. Tuyển tập báo cáo khoa học Hội nghị khoa học “Biển Đông 2002”. Viện Hải dương học. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
- Nguyễn Văn Lục, Bùi Hồng Long, Lê Đình Mậu, Vũ Văn Phái, 2010. Phân vùng định hướng quản lý tổng hợp đới ven bờ Nam Trung Bộ (từ Đà Nẵng đến Bình Thuận). *Sổ tay hướng dẫn QLTHVB Nam Trung Bộ*. Nhà xuất bản Khoa học & Kỹ thuật, 11/2010.
- Nguyễn Văn Lục, Đặng Trung Thuận, 2010. Phân vùng định hướng quản lý tổng hợp đới ven bờ tỉnh Quảng Nam. Báo cáo tham luận. Hội nghị khoa học và công nghệ các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên lần thứ 8, Tam Kỳ 8/2010.
- Sổ tay Hướng dẫn thực hiện dự án CRSD, Hà Nội, 2012, 199 trang.

## INTEGRATED SPATIAL PLANNING OF NGHE AN PROVINCE'S COASTAL AREA

Nguyen Van Luc<sup>1,2\*</sup>, Nguyen Hoang Thai Khang<sup>2</sup>, Ho Van The<sup>2</sup>, Nguyen Van Nhuan<sup>3</sup>,  
Le Huu Tho<sup>4</sup>, Le Thi Phuong Thao<sup>4</sup>, Trieu Tran Huan<sup>4</sup>

<sup>1</sup> Vietnam Tuna Association

<sup>2</sup> Institute of Oceanography, VAST

<sup>3</sup> Institute of Fishery Science and Technology, Nha Trang University

<sup>4</sup> Tin Viet Training and Quality Consulting Joint Stock Company, Da Nang

\*vanluchdh@gmail.com

**Abstract.** The coastal area of Nghe An province has a coastline of 82 km, with 27 communes, wards and 5 districts and towns associated with the sea, aquatic resources are fairly diverse and relatively abundant. There are breakthroughs in the fields of port industry development, trade and services, etc. Economic activities in the coastal area are taking place strongly, such as aquaculture, fishing, salt making, agriculture, afforestation, tourism, handicrafts, shipping, seaports, etc. However, the above economic activities are posing a number of challenges to the goal of sustainable development - Overlapping Conflicts (OC) in coastal space use, over-exploitation of resources, loss of biodiversity, environmental pollution, plus impacts of climate change (natural disasters, sea level rise, etc.). One of the reasons leading to the above problems is that many single-sectoral plans have not been integrated with each other, the inter-sectoral coordination mechanism is limited, and the management method has not yet attracted the participation of coastal communities. This paper has identified 5 main groups of Overlapping Conflicts; defining the vision, overarching goals, specific objectives of the interdisciplinary spatial planning for 3 regions (A, B, C) with 6 sub-regions (A1- A3, B1-B3), boundaries and timeframes for analysis and management; 3 ISP scenarios for 15 activities on the sea, 4 groups of solutions and attached maps.

**Keywords:** ISP, conflict, Nghe An, coastal area, zoning.